

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
1	Nguyễn Vũ Thảo	Linh	2658020160	10-01-08	2026NT8		6.0			01-05-26	14-09-26	
2	Lê Hoàng	Linh	2658020148	30-05-08	2026NT4		6.0			12-02-26	14-09-26	
3	Hoàng Phương	Anh	2658010006	14-01-08	2026DH3		5.5			05-01-26	14-09-26	
4	Trần Vũ	Thái	2651010384	25-02-08	2026K1		7.0			28-06-25	14-09-26	
5	Nguyễn Đăng Thành	Công	2653010026	24-09-08	2026KX2		5.0			23-11-25	14-09-26	
6	Trần Yến	Ngọc	2658020211	05-06-08	2026NT3		5.0			16-12-25	14-09-26	
7	Dương Kim	Thành	2651030267	16-03-08	2026X3		6.0			21-08-25	14-09-26	
8	Phạm Đức	Thái	2651010383	24-05-08	2026K+		8.0			06-10-25	15-09-26	
9	Ngô Thành	Long	2653010111	12-03-08	2026KX3		5.0			12-01-26	15-09-26	
10	Hoàng Nguyễn Kim	Anh	2653010007	29-05-08	2026KX3		5.5			16-03-26	15-09-26	
11	Lương Thế	Vũ	2651010474	24-04-08	2026K+	795				03-09-26	15-09-26	Phản mềm là 26K+

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
12	Nguyễn Quang	Khải	2651010193	25-02-08	2026K6		6.5			16-08-25	15-09-26	
13	Đỗ Nguyên Thục	Anh	2658050002	27-11-08	2026NTS2		7.0			01-02-26	15-09-26	
14	Nguyễn Ngọc	Minh	2651010278	10-10-08	2026K4		7.0			06-10-25	15-09-26	
15	Hà Thùy	Anh	2651010023	25-09-08	2026K+		6.0			30-07-25	16-09-26	Phản mềm là 26K+
16	Nguyễn Thanh	Thảo	2652010094	25-02-08	2026KTCQ2		6.0			05-09-25	16-09-26	
17	Lương Ngọc	Linh	2656020100	29-11-08	2026DA4		6.0			12-12-25	16-09-26	
18	Đỗ Trung	Hiếu	2651010142	03-12-08	2026K2		5.5			02-03-26	16-09-26	
19	Hoàng Nhật	Minh	2651090032	14-04-08	2026VL1		5.5			27-04-26	16-09-26	
20	Nguyễn Bình	Nguyên	2651010321	27-11-08	2026K4		5.0			01-03-26	17-09-26	
21	Trần Thùy	Tiên	2651010419	19-09-08	2026K+		7.0			19-10-25	17-09-26	
22	Phạm Hà	Phương	2651020059	06-02-08	2026Q1		5.5			11-08-25	17-09-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
23	Nguyễn Trần Khánh	Linh	2651030183	05-05-08	2026X5		4.5			28-03-26	17-09-26	
24	Đàm Quốc	Đạt	2651030068	25-12-08	2026X1		5.5			22-12-25	18-09-26	
25	Đoàn Phương	Thảo	2658050082	23-02-08	2026NTS2		6.5			27-06-25	18-09-26	
26	Lê Thị Thảo	Linh	2658050050	07-10-08	2026NTS2		7.0			30-11-25	18-09-26	
27	Tăng Xuân	Đạt	2651080051	03-04-08	2026QL3		5.5			20-04-26	18-09-26	
28	Hoàng Phương	Thảo	2651010395	30-09-08	2026K4		5.5			26-10-25	18-09-26	
29	Đỗ Minh	Ngọc	2651010305	04-05-08	2026K4		6.5			11-02-26	18-09-26	
30	Bùi Quang	Trung	2651010445	03-09-08	2026K5		7.0			27-05-25	18-09-26	
31	Phạm Trúc	Linh	2658010074	02-05-08	2026DH2		6.0			20-10-25	18-09-26	
32	Lý Trung	Dũng	2656020038	02-08-08	2026DA2		5.5			09-02-26	18-09-26	
33	Lê Minh	Việt	2651010467	26-11-08	2026K5		6.0			30-06-25	18-09-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
34	Đồng Minh	Minh	2651010274	27-02-08	2026K+		7.5			01-07-25	18-09-26	Phản mềm là 26K+
35	Nguyễn Thanh	Nga	2655010171	14-07-08	2026CN1		5.0			25-01-26	18-09-26	
36	Nguyễn Khánh	Linh	2651010237	09-02-08	2026K+		6.5			30-12-25	18-09-26	Phản mềm là 26K+
37	Nguyễn Anh	Thư	2651010414	28-08-08	2026K2		6.0			22-09-25	18-09-26	
38	Nguyễn Vũ Phương	Liên	2651010229	25-05-08	2026K+		7.5			14-01-26	18-09-26	Phản mềm là 26K+
39	Lê Huy	Anh	2651050003	30-11-08	2026D1		6.0			03-03-26	18-09-26	
40	Đỗ Khánh	Hoàng	2656020069	21-10-08	2026DA1		5.5			30-11-25	18-09-26	
41	Dương Quang	Dũng	2651070011	15-10-08	2026XN		6.0			01-07-26	18-09-26	
42	Nguyễn Tùng	Duy	2651010081	31-03-08	2026K3		5.5			26-05-25	18-09-26	
43	Nguyễn Thị Thanh	Hà	2658020101	28-06-08	2026NT5		6.0			28-11-25	18-09-26	
44	Nguyễn Lê Duy	Anh	2651050005	03-01-08	2026D1		4.5			10-07-26	18-09-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
45	Nhữ Hoàng	Oanh	2658010118	24-03-08	2026DH1		7.0			22-08-25	18-09-26	
46	Nông Gia	Hưng	2651030141	28-09-08	2026X1		6.5			27-04-26	18-09-26	
47	Nguyễn Bảo	Nam	2651030207	01-05-08	2026X+		6.0			01-03-26	18-09-26	Phản mềm là 26X+
48	Đặng Phúc Gia	Long	2654010037	16-05-08	2026GT				80	19-08-26	18-09-26	
49	Vũ Đức Tiến	Minh	2653030046	19-03-08	2026TL		5.0			29-03-26	18-09-26	
50	Đỗ Kim	Chi	2658020058	10-09-08	2026NT2		6.5			18-12-25	18-09-26	
51	Nguyễn Lê Thảo	Nhi	2651010332	02-03-08	2026K6	785				04-09-26	21-09-26	
52	Nguyễn Thanh	Thảo	2651010399	25-03-08	2026K5		6.5			24-11-25	21-09-26	
53	Trần Thảo	Ngân	2651010302	17-12-08	2026K5		6.5			30-09-25	21-09-26	
54	Đoàn Hải	Ly	2658020168	01-12-08	2026NT8		7.0			26-05-25	21-09-26	
55	Lê Thu	An	2658020001	04-10-08	2026NT1		6.5			28-12-25	21-09-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
56	Phạm Minh	Quang	2651010358	23-07-08	2026K6		7.5			20-01-25	21-09-26	còn 3 tháng
57	Lưu Lam	Phương	2658040063	13-10-08	2026TT1		6.5			22-08-25	21-09-26	
58	Nguyễn Đỗ	Quyên	2658020251	02-08-08	2026NT3		6.0			25-04-26	21-09-26	
59	Lê Như	Quỳnh	2658050079	23-09-08	2026NTS1		6.0			13-10-25	21-09-26	
60	Nguyễn Bảo	Phương	2658020241	14-12-08	2026NT1		7.0			18-11-25	21-09-26	
61	Nguyễn Ngọc	Trân	2658010160	05-04-08	2026DH1		6.5			22-12-25	21-09-26	
62	Nguyễn Đức	Lâm	2651010223	22-01-08	2026K+		7.5			26-08-25	21-09-26	
63	Hoàng Kim Phương	An	2651010004	19-11-08	2026K+		7.5			16-11-25	21-09-26	
64	Đồng Công Phước	An	2651010003	06-07-08	2026K2		5.5			22-12-25	21-09-26	
65	Dương Đức	Thiện	2651010404	01-12-08	2026K2		6.5			03-09-25	21-09-26	
66	Nguyễn Hương	Trà	2658010152	27-06-08	2026DH2		6.5			17-11-25	21-09-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
67	Nguyễn Hoàng Phương	Anh	2658010008	07-10-08	2026DH2		5.5			31-08-25	21-09-26	
68	Trần Minh	Anh	2658020032	02-10-08	2026NT8		5.5			25-02-26	21-09-26	
69	Nguyễn Bảo	Khánh	2658040036	22-01-08	2026TT2		6.0			11-10-25	21-09-26	
70	Hà Kỳ Khánh	Nam	2655020063	24-08-08	2026CDP1		5.5			02-12-25	21-09-26	
71	Lê Trường	An	2651010007	31-07-08	2026K+		7.0			27-12-24	21-09-26	còn 3 tháng
72	Nguyễn Ngọc	Thành	2651010389	09-02-08	2026K5		6.5			27-12-24	21-09-26	còn 3 tháng
73	Lương Hồng	Son	2651010374	04-02-08	2026K+		6.5			06-03-25	21-09-26	
74	Đinh Thị Linh	Duy	2658050027	01-05-08	2026NTS1		5.0			21-07-25	22-09-26	
75	Nguyễn Hồng	Anh	2651030011	31-08-08	2026X+		5.0			22-03-26	22-09-26	
76	Nguyễn Chi	Mai	2658020175	03-11-08	2026NT7		7.0			29-12-25	22-09-26	
77	Võ Minh	Khuê	2655020045	05-04-08	2026CDP1		7.5			03-11-25	22-09-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
78	Nguyễn Hoàng	Duy	2651010079	13-11-08	2026K2		6.5			13-10-25	22-09-26	
79	Quan Tùng	Dương	2658050028	26-10-08	2026NTS2		7.5			21-07-25	22-09-26	
80	Nguyễn Trung	Hiếu	2658050039	26-08-08	2026NTS1		6.5			30-07-25	22-09-26	
81	Nguyễn Mai	Phương	2658020245	10-02-08	2026NT5		6.5			23-01-26	22-09-26	
82	Lương Thị Thúy	Hiền	2655020035	14-08-08	2026CDP1		6.5			02-12-25	23-09-26	
83	Bùi Thị	Vân	2658020316	17-12-08	2026NT4		6.0			25-08-25	23-09-26	
84	Lê Quang	Anh	2651030008	18-03-08	2026X5		6.0			09-03-26	23-09-26	
85	Nguyễn Văn	Hưng	2651010187	14-06-08	2026K1		7.0			19-10-25	23-09-26	
86	Ngô Gia	Khánh	2653010085	05-11-08	2026KX1		4.5			05-03-26	23-09-26	
87	Nguyễn Hà Uyên	Nhi	2658040058	16-03-08	2026TT2		6.5			30-12-25	23-09-26	
88	Đào Trung	Hiếu	2658040026	17-05-08	2026TT2		6.5			27-03-25	23-09-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
89	Hoàng Khánh	Thy	2651010418	08-12-08	2026K5		5.5			26-02-26	23-09-26	
90	Nguyễn Huy	Khánh	2651010196	28-05-08	2026K4		6.5			18-01-26	23-09-26	
91	Đặng Thị Minh	Ngọc	2651010306	10-02-08	2026K3		6.5			02-08-25	24-09-26	
92	Nguyễn Bảo	Long	2651010248	19-03-08	2026K1		8.0			20-03-25	24-09-26	
93	Nguyễn Khánh	Ngọc	2651010312	15-10-08	2026K+		6.0			10-03-25	24-09-26	
94	Đào Hoàng	Anh	2658050003	20-12-08	2026NTS1		5.5			11-01-26	24-09-26	
95	Nguyễn Khánh	Ngọc	2651010311	31-12-08	2026K3		7.0			07-07-25	24-09-26	
96	Nguyễn Hoàng Diệu	Châu	2651010055	24-10-08	2026K2		6.0			22-12-25	24-09-26	
97	Nguyễn Thế	Thịnh	2651010407	05-09-08	2026K+		7.0			08-12-25	24-09-26	
98	Đào Thùy	Dung	2658020067	23-05-07	2026NT3	350				28-08-26	24-09-26	
99	Phạm Huyền	Diệu	2655020014	27-10-08	2026CDP2		6.0			17-08-25	25-09-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
100	Lê Anh	Khôi	2656010042	15-02-08	2026ME		6.0			03-03-26	25-09-26	
101	Trần Thực	Anh	2658020037	14-05-08	2026NT5	615				23-08-26	25-09-26	
102	Nghiêm Đức	Long	2651010247	28-11-08	2026K+		7.0			21-12-25	25-09-26	
103	Phạm Trần Anh	Thư	2658040073	14-03-08	2026TT1		6.0			31-01-26	25-09-26	
104	Mông Hoàng	Khánh	2651010194	30-06-08	2026K3		7.0			25-03-26	25-09-26	
105	Trần Nhật	Quang	2651010360	27-01-08	2026K6		7.5			01-08-25	28-09-26	
106	Trần Nguyễn Việt	Thái	2653010165	24-07-08	2026KX1		6.0			14-09-26	28-09-26	
107	Lê Hiếu	An	2651010005	28-07-08	2026K3		7.0			25-09-25	28-09-26	
108	Nguyễn Minh	Ngọc	2658050067	05-12-08	2026NTS1		6.5			17-12-25	28-09-26	
109	Bùi Nguyễn Châu	Anh	2651010016	23-05-08	2026K6		7.5			01-08-25	28-09-26	
110	Phạm Lê Phương	Thảo	2658040070	17-08-08	2026TT2		5.5			15-12-25	28-09-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
111	Lê Ngọc Mạnh	Dũng	2651010069	26-05-08	2026K2		5.0			21-08-25	28-09-26	
112	Ngô Nam	Khánh	2655010124	25-10-08	2026CN4		5.0			06-04-26	28-09-26	
113	Nguyễn Hải	Yến	2658010166	16-02-08	2026DH1		6.5			30-06-25	28-09-26	
114	Nguyễn Cẩm	Giang	2658010037	17-01-08	2026DH1		7.0			20-07-25	28-09-26	
115	Nguyễn Vũ	Hoàng	2656010035	06-12-08	2026ME		5.5			02-03-26	29-09-26	
116	Nguyễn Như	Ngọc	2653010133	12-07-08	2026KX1		6.0			30-11-25	29-09-26	
117	Nguyễn Hoàng Khánh	Ngọc	2651010310	16-03-08	2026K3		6.5			25-08-25	01-10-26	
118	Trịnh Nam	Khánh	2651010203	25-05-08	2026K2		5.5			04-08-25	01-10-26	
119	Phạm Minh	Nguyệt	2658050070	10-12-08	2026NTS2		7.0			30-06-25	02-10-26	
120	Nguyễn Hà	Phương	2658010123	25-04-08	2026DH3		7.0			18-08-25	02-10-26	
121	Phạm Khánh	Ngọc	2658010107	10-12-08	2026DH2		7.5			29-09-25	05-10-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
122	Nguyễn Tuệ	Linh	2658010071	04-12-08	2026DH2		7.5			27-08-25	05-10-26	
123	Phạm Tuấn	Bách	2651030026	01-07-08	2026X1		6.0			29-09-25	05-10-26	
124	Vũ Quỳnh	Anh	2651010037	06-05-08	2026K1		7.5			25-08-25	05-10-26	
125	Nông Thùy	Linh	2651010242	05-03-08	2026K+		7.0			29-11-25	05-10-26	
126	Vũ Hương	Giang	2653010048	25-05-08	2026KX4		7.5			17-03-25	06-10-26	
127	Nguyễn Minh	Thư	2658020276	10-10-08	2026NT4		7.5			24-03-25	06-10-26	
128	Hoàng Trọng	Đức	2658010035	10-08-08	2026DH2	860				07-08-26	06-10-26	
129	Bùi Phạm Đức	Lâm	2658010060	04-07-08	2026DH3		6.5			13-03-26	06-10-26	
130	Nguyễn Gia	Hiếu	2651010149	25-07-08	2026K3		5.5			13-10-25	06-10-26	
131	Nguyễn Phương	Linh	2651010239	04-07-08	2026K5		6.0			05-04-26	06-10-26	
132	Nguyễn Hà Ngọc	Lam	2658060011	11-03-08	2026MDT		7.5			20-02-25	06-10-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
133	Nguyễn Mai	Anh	2658020019	25-03-08	2026NT3		8.0			26-05-25	07-10-26	
134	Nguyễn Lê	Như	2658020229	04-11-08	2026NT5		6.0			18-03-25	07-10-26	
135	Trần Thị Khánh	Huyền	2658050044	22-03-08	2026NTS2		6.5			08-12-25	07-10-26	
136	Đặng Trung	Kiên	2651010212	24-07-08	2026K1		5.0			31-03-26	08-10-26	
137	Nguyễn Thùy	Dương	2651010092	24-08-08	2026K1		6.5			26-08-25	08-10-26	
138	Vũ Ngọc	Linh	2658020167	09-09-08	2026NT7		5.0			26-01-26	08-10-26	
139	Cao Lê	Giang	2651010120	19-11-08	2026K2		6.0			19-01-26	08-10-26	
140	Đặng Quỳnh	Chi	2658020059	04-06-08	2026NT3		6.0			30-11-25	08-10-26	
141	Trần Vũ Bình	Minh	2656020119	16-10-07	2026DA3		6.5			28-07-25	09-10-26	
142	Lê Duy	Hoàng	2651030118	01-12-08	2026X5		5.0			13-05-26	09-10-26	
143	Nguyễn Lê Gia	Hân	2658040023	23-07-08	2026TT1		6.5			21-03-26	09-10-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
144	Nguyễn Hoàng Duy	Anh	2655030002	07-06-08	2026CNG		6.0			27-03-25	09-10-26	
145	Ngô Thị Thùy	Dương	2651020015	27-07-08	2026Q1		7.5			03-09-25	09-10-26	
146	Nguyễn Hà	Linh	2658020151	15-09-08	2026NT7		6.0			18-07-25	12-10-26	
147	Nguyễn Tiến	Công	2656020187	24-01-07	2026DA4				72	09-03-25	12-10-26	
148	Phạm Diệp	Chi	2658020063	09-01-08	2026NT7	710				02-08-26	12-10-26	
149	Vũ Ngọc Hà	My	2658020191	07-01-08	2026NT7		6.5			29-09-25	12-10-26	
150	Nguyễn Hùng	Anh	2651062005	07-01-08	2026M			390		15-05-26	12-10-26	
151	Đoàn Hồng	Ngọc	2658010102	29-11-08	2026DH3		5.5			02-01-26	12-10-26	
152	Nguyễn Đức	Bình	2651010049	07-10-08	2026K6		7.5			24-10-25	13-10-26	
153	Phạm Nguyên	Khang	2651030146	30-10-08	2026X3		6.0			23-03-26	13-10-26	
154	Vương Đức	Trung	2651010448	25-02-08	2026K2		5.5			20-04-26	13-10-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
155	Nguyễn Diệu	Linh	2658020150	14-10-08	2026NT6		7.5			23-08-25	14-10-26	
156	Hoàng Thanh	Thảo	2651010396	05-09-08	2026K3		7.0			22-03-26	14-10-26	
157	Nguyễn Hoàng Bảo	Như	2651010337	18-05-08	2026K+		6.0			29-07-25	14-10-26	
158	Trịnh Phương	Linh	2651010244	26-01-08	2026K+		7.0			25-02-26	14-10-26	
159	Dương Danh	Phát	2656020134	13-09-08	2026DA2		5.5			21-09-26	15-10-26	
160	Chu Minh	Anh	2658020005	18-02-08	2026NT5		6.0			12-10-26	15-10-26	
161	Hà Lê Tùng	Mai	2658010085	19-12-08	2026DH1		5.0			26-05-25	15-10-26	
162	Nguyễn Tổ	Ninh	2658030019	22-05-08	2026DK		5.0			27-02-25	15-10-26	
163	Mạc Thùy	Dương	2658020074	24-02-08	2026NT2		6.5			18-10-25	15-10-26	
164	Nguyễn Lâm	Oanh	2658020232	27-10-08	2026NT8		7.0			27-12-25	16-10-26	
165	Nguyễn Vũ Minh	Châu	2651010056	13-01-08	2026K6		5.0			07-07-25	16-10-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
166	Nguyễn Thị Như	Ngọc	2651010313	29-05-08	2026K6		5.0			13-07-26	16-10-26	
167	Hà Quỳnh	Giang	2651010122	11-05-08	2026K2		6.0			22-12-25	16-10-26	
168	Nguyễn Phương	Thảo	2653030060	19-01-08	2026TL		6.0			30-03-26	16-10-26	
169	Nguyễn Vy	Anh	265604005	11-10-08	2026UD		6.0			10-02-26	16-10-26	
170	Vũ Hải	Đăng	2656020052	24-08-08	2026DA4		4.5			08-02-26	16-10-26	
171	Trần Khôi	Nguyên	2652010077	16-01-08	2026KTCQ1		6.0			31-01-26	16-10-26	
172	Trần Thị Minh	Anh	2658020034	10-01-08	2026NT2		6.0			26-04-26	16-10-26	
173	Nguyễn Phạm Sơn	Tùng	2651070052	30-06-08	2026XN		6.0			29-12-25	16-10-26	
174	Vũ Quang	Anh	2651030024	27-12-08	2026X+		5.5			31-08-25	16-10-26	
175	Nguyễn Mai Phương	Linh	2658020155	20-08-08	2026NT3		5.5			01-02-26	16-10-26	
176	Trần Ngọc Hương	Ly	2656020109	03-06-08	2026DA1		4.0			05-04-26	16-10-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
177	Bùi Đắc	Nhật	2651070040	01-03-08	2026XN		5.0			27-12-25	16-10-26	
178	Nguyễn Thị Phương	Anh	2651010030	20-10-08	2026K4		5.5			12-09-26	16-10-26	
179	Đào Mai	Nhi	2651080151	21-12-08	2026QL3		5.5			15-03-26	16-10-26	
180	Vũ Gia	Minh	2651050070	02-12-07	2026D2		4.0			29-12-25	16-10-26	
181	Nguyễn Phương	Anh	26530220008	13-07-08	2026IE2	530				27-09-26	16-10-26	
182	Võ Thu	Hà	2652010038	15-09-08	2026KTCQ2		6.0			29-08-25	16-10-26	
183	Phạm Trung	Kiên	2651030166	28-04-08	2026X1		5.0			08-12-25	19-10-26	
184	Nguyễn Hùng	Anh	2651030013	28-02-08	2026X+		6.5			01-02-26	19-10-26	
185	Bùi Quỳnh	Chi	2656020030	31-03-08	2026DA2		7.0			30-09-25	19-10-26	
186	Đặng Quang	Tú	2651020079	07-11-08	2026Q1	500				04-10-26	19-10-26	
187	Trương Việt	Hà	2655010077	15-10-08	2026CN2		6.0			11-09-25	19-10-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
188	Lê Thành	Đạt	2656010017	14-12-08	2026ME		4.5			27-11-25	19-10-26	
189	Trần Bảo	Linh	2655010140	21-04-07	2026CN5		4.5			11-10-25	19-10-26	
190	Nguyễn Hữu	Hung	2655010111	08-08-08	2026CN1		7.0			29-09-25	19-10-26	
191	Nguyễn Huy	An	2656010002	25-01-08	2026ME		5.0			29-04-26	19-10-26	
192	Tổng Tổ	Oanh	2655010182	13-12-08	2026CN2		6.0			16-04-26	19-10-26	
193	Nguyễn Vũ Hoàng	Anh	2651080013	04-12-08	2026QL1		5.0			16-01-26	19-10-26	
194	Đỗ Quang	Minh	2656030041	01-02-08	2026RM		6.0			07-04-26	20-10-26	
195	Trần Thị Ngọc	Huyền	2655010108	15-12-08	2026CN3		5.0			07-05-26	20-10-26	
196	Nguyễn Anh	Dũng	2651040011	29-08-08	2026N		6.5			04-05-26	20-10-26	
197	Vũ Mạnh	Phúc	2656020142	24-06-08	2026DA2		5.0			04-02-26	20-10-26	
198	Trần Anh	Thư	2651020071	26-10-08	2026Q1		6.0			30-12-25	21-10-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

STT	Họ và tên		MSV	Ngày tháng năm sinh	Lớp	Điểm TOIEC	Điểm IELTS	Điểm TOEFL ITP	Điểm TOEFL iBT	Ngày cấp CC	Ngày nộp	Ghi chú
199	Phạm Ngân	Giang	2658020092	05-09-08	2026NT4		6.0			21-08-25	21-10-26	
200	Trần Thị Quỳnh	Mai	2655020060	21-02-08	2026CDP2		6.5			15-02-26	21-10-26	
201	Nguyễn Khôi	Nguyên	2656020130	07-10-08	2026DA2		5.0			26-02-26	21-10-26	
202	Dương Mạnh	Kiên	2656020092	01-02-08	2026DA4		5.0			26-04-26	21-10-26	
203	Tăng Bảo	Vĩ	2651020086	20-12-08	2026Q2		5.0			05-05-26	21-10-26	
204	Nguyễn Hữu	Tuệ	2651020083	06-02-08	2026Q1		6.5			29-10-25	21-10-26	
205	Lương Khánh	Linh	2651010235	05-10-08	2026K+		6.5			14-04-25	21-10-26	
206	Vũ Phương	Mai	2655030027	09-04-08	2026CNG		5.0			08-08-26	21-10-26	
207	Nguyễn Hà	Phương	2655030041	10-04-08	2026CNG		7.0			08-09-25	21-10-26	
208	Nguyễn Tuấn	Dương	2653040026	20-05-08	2026DE2		5.0			24-06-26	21-10-26	
209	Trịnh Cao Duy	Anh	2651030023	01-03-08	2026X2		4.0			03-09-25	22-10-26	

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

[illegible]

[illegible][illegible]

DANH SÁCH NỘP VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ TIẾNG ANH K26

[illegible]